

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 12/06/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Uông Thị Hoa và ông Phùng Ngọc Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân quận B ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 647/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Quỳnh T**, sinh năm 1991. Có hộ khẩu thường trú tại: số 5 hẻm 370/28/5 phố N, tổ 19, phường B, quận L, thành phố H. Nơi ở hiện nay: số 9 A1 tổ 6 phường P, quận L, thành phố H.

(Chị T có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh **Lê Doãn N**, sinh năm 1991. Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 18 B phố Q, phường Q, quận B, thành phố H.

(Anh N có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông **Đinh Thế H** - luật sư Văn phòng Luật sư B - Đoàn luật sư thành phố H.

(Luật sư H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại bản tự khai ngày 18/12/2019, ngày 03/01/2020, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Vũ Quỳnh T trình bày như sau:

Chị và anh Lê Doãn N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố H;

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách nuôi dạy con chung. Vợ chồng mâu thuẫn còn do tính cách của anh N quá phụ thuộc vào bố mẹ nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đỉnh điểm là ngày 02/11/2018, vợ chồng xô xát, anh N đã có hành vi mất kiểm soát xô ngã chị và giằng con. Ông H bố anh N có chứng kiến cùng ngăn cản và nhốt chị tại tầng thượng tại gia nên chị phải đập cửa kính để thoát ra. Chị nhận thấy nếu tiếp tục cuộc sống như vậy sẽ càng làm căng thẳng tình hình khiến con chị bị ảnh hưởng về cả thể chất và tâm lý. Từ ngày 10/12/2018 chị đã đưa con về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân chị đã có ý kiến nhiều lần với anh N về việc cải thiện tình hình bằng cách ra ở riêng, không có sự can thiệp của bố mẹ chồng nhưng anh N không có ý kiến gì, thường im lặng. Anh N cũng không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện tình trạng của vợ chồng. Sau 1 năm để cho anh N có thời gian suy nghĩ, thay đổi nhưng chị không nhận được sự phản hồi gì về việc đoàn tụ vợ chồng. Chị xác định không còn tình cảm gì với anh N nên đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là: Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017. Chị có nguyện vọng được nuôi con chung vì từ khi cháu sinh ra đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc cháu, lo lắng cho cháu. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: chị trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: chị trình bày vợ chồng không cho ai vay nợ và không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,** bị đơn – anh Lê Doãn N có đơn phản tố đề ngày 27/12/2019, đơn trình bày đề ngày 13/01/2020, ngày 20/03/2020, ngày 02/05/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh N trình bày như sau:

Anh và chị Vũ Quỳnh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố H như chị T trình bày là đúng.

Quá trình chung sống, sau khi cưới thì vợ chồng anh đi thuê nhà ở. Tuy nhiên anh bác bỏ mọi ý kiến như chị T trình bày, thực trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Chị T là người có cá tính đặc biệt, không kiềm chế được cảm xúc, hay gây gỗ, chửi bới và đập phá đồ đạc. Ngày 10/12/2018, chị T đã tự ý bế con về nhà ngoại rồi trốn biệt tích từ đó đến nay. Tháng 3 năm 2019, chị T lén lút làm giả hồ sơ và chữ ký của anh để tách khẩu tại hộ khẩu gia đình nhà anh số 18 B phố Q, phường Q, quận B, thành phố H. Chị Trang có thái độ hành xử hỗn láo với anh và bố mẹ anh, đã đập phá và hủy hoại tài sản theo bản ảnh sự việc xảy ra vào ngày 02/11/2018 là không thể chấp nhận được nhưng anh và bố mẹ anh đều nhẫn nhịn bỏ qua, không có một lời nặng nề nào. Chị T đã trốn tránh, không cho ông bà gặp cháu và bố gặp con. Anh đề nghị được hòa giải tại nhà giữa hai vợ chồng anh và gia đình anh để đoàn tụ vợ chồng. Anh xác định vẫn còn tình cảm gì với chị T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017. Anh không đồng ý để chị T nuôi con chung, vì sống với mẹ thì không có cha mà sống với cha thì không có mẹ. Nguyên vọng của anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con, và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: anh trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: anh trình bày vợ chồng không cho ai vay nợ và không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

Tại phiên tòa hôm nay: chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Doãn N vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay không thể tiếp tục chung sống. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017; chị xin được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: chị T trình bày vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

Anh Lê Doãn N không đồng ý ly hôn vì lý do chị T nêu ra để xin ly hôn là không đúng. Chị T nói vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2018 là sai, do chị T gây sự rồi tự ý bế con bỏ nhà đi là đơn phương, không cho anh gặp gỡ, chăm sóc, nuôi dạy con chung. Việc chị T nêu ra lý do vợ chồng khác nhau về quan điểm sống, về nuôi dạy con hay mâu thuẫn là chưa thỏa đáng. Thực tế khi chung sống anh đã luôn kìm nén, chịu đựng tính khí bất thường của chị T, bản thân anh chưa bao giờ có hành vi bạo lực với chị T hoặc nghĩa vụ làm chồng. Anh cho rằng quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Mục đích hôn nhân vẫn có thể đạt được vì anh và gia đình không gây mâu thuẫn với cô T, mọi mâu thuẫn đều do cô T vô cớ gây nên. Anh rất yêu thương vợ con, chưa làm điều gì để bức xúc đến mức phải ly hôn. Do không đồng ý ly hôn nên anh không đề cập đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Anh xác định vợ chồng không có tài sản, nhà đất ở hay vay nợ gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Đinh Thế H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ và sự thật xem xét tạo điều kiện cho anh Lê Doãn N có thời gian hòa giải đoàn tụ với chị Vũ Quỳnh T vì mâu thuẫn của anh chị chưa thấy sự đổ vỡ đến mức phải ly hôn. Do luật sư đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của chị T nên không đề cập đến vấn đề con chung, tài sản chung, nhà đất ở, vay nợ chung của anh chị.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra

quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng pháp luật để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Quỳnh T. Chị Vũ Quỳnh T được ly hôn với anh Lê Doãn N. Giao con chung là Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu pháp lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà ở và nợ chung: anh chị trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 của Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Lê Doãn N có nơi cư trú tại số 18B phố Q, quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” là đúng thẩm quyền.

[2] . Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa chị Vũ Quỳnh T và anh Lê Doãn N có tổ chức cưới hỏi theo phong tục cổ truyền và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2017 tại UBND phường Q, quận B, thành phố H, đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xin ly hôn anh N vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, hai bên đã có nhiều cố gắng nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng không còn thương yêu và tôn trọng nhau dẫn đến việc chị phải đưa con về nhà ngoại ở. Chị T xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, chị xin ly hôn với anh N vì tình cảm của không còn, không thể tiếp tục chung sống.

Anh N không đồng ý ly hôn vì nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, vẫn có thể hàn gắn được nên cần thêm thời gian để hòa giải. Do chưa đồng ý ly hôn nên anh chưa đặt ra vấn đề ai nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, căn cứ các chứng cứ gồm quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, gia đình chị T và anh N cho thấy: thời gian chung sống của anh chị chỉ được thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn chị T đã chủ động bảo anh N đi thuê nhà ở

riêng nhưng anh N không đồng ý dẫn đến việc chị T không nói chuyện hay chia sẻ được với anh N. Anh N thì cho rằng chị T không tôn trọng anh và gia đình, tự ý gây sự vào ngày sinh nhật của chị; sau đó vợ chồng anh chị xảy ra xô xát, chị T đã đưa con về nhà ngoại ở từ đó đến nay; Thời gian này phía anh N cũng không có phương án gì để hòa giải dẫn đến việc anh chị sống xa nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Quá trình chị T làm đơn xin ly hôn, anh N mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng giữa anh chị, nếu có tiếp tục chung sống thì cuộc sống anh chị cũng không hạnh phúc.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng cần sự yêu thương, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng như quy định theo §19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có “nghĩa vụ chung thủy, tin cậy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc...”.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N đề nghị có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng suy nghĩ lại nhưng bản thân không thể hiện được anh nên làm gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng, không đưa ra được quan điểm thuyết phục chị T thay đổi rút đơn để vợ chồng hòa thuận; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Việc chị T xin ly hôn đơn phương là quyền của công dân nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo ý anh N lập phải hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Vũ Quỳnh T được ly hôn anh Lê Doãn N.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn:

Anh chị có 01 con chung là con chung là Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017.

Xét thấy, cháu K hiện nay chưa tròn 36 tháng tuổi đang ở với mẹ; mặt khác chị T có công việc ổn định, có chỗ ở và có điều kiện chăm sóc con, không phụ thuộc vào anh N về kinh tế; nên giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu pháp lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung, nhà đất ở chung:

Anh chị xác nhận không có tài sản, nhà đất ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vay nợ chung:

Anh chị xác nhận không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Quỳnh T đối với anh Lê Doãn N.

Chị Vũ Quỳnh T được ly hôn với anh Lê Doãn N.

2. Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là con chung là Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017.

Giao con chung là cháu Lê Nam K, sinh ngày: 18/08/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 12/06/2020. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Nam K trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Doãn N có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung:

Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung:

Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Vũ Quỳnh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024006 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

6. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, chị T anh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- UBND p. Q, quận B, Tp. H
- VKSND quận B
- Chi cục thi hành án DS quận B
- Tòa án NDTP H
- VKSND TP H
- Lưu hồ sơ, văn phòng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG